

Viên nén đặc biệt

Viên ngậm, viên đặt dưới lưỡi

- TD
 - **Tại chỗ**: sát trùng, chống viêm
 - **Toàn thân**: nitroglycerine trị đau thắt ngực
 - Yêu cầu
 - **Giải phóng từ từ** (mòn dần)
 - **Mùi vị**:
 - không tăng tiết nước bọt
 - dễ chịu
 - không sạn
 - Cơ chế
 - **Hòa tan**: @ nước bọt (**pH gần trung tính**) (6.2-7.6)
 - **Hấp thu**: @ niêm mạc dưới lưỡi --> TM cổ
- Tránh được: dạ dày, FPM

Viên nén phụ khoa

- **Dạng**: viên trứng, viên sỏi bột (cho dễ thấm)
- **Tá dược**
 - Tá dược **không tan**: không nên cho vào (để cho vệ sinh)
 - Tá dược **độn**: thường cho lactose (để tạo MT acid kháng nấm)

Viên pha

Viên pha thành dung dịch (Soluble)

- **Yêu cầu**: Tan hoàn toàn trong **nước**
- **Đường dùng**
 - Uống
 - Dùng ngoài

Viên pha thành hỗn dịch (Dispersible)

- Pha với **nước** --> **hỗn dịch**
 - **Thành phần thêm**:
 - chất **gây thấm**
 - chất **tăng độ nhớt MT** (bột, cốm pha) → tạo HD đồng nhất, ổn định
 - **Yêu cầu**:
 - **Tan**
 - nhanh
 - đồng nhất
- ⇒ **Cần tá dược** ..
- .. **rã**: cần khá nhiều
 - .. **sủi**: không cần nhiều như viên pha dung dịch

Viên nhai (chewable)

- Như viên uống nhưng cần có **chất điều vị**
- TD: tại chỗ, toàn thân

Viên phân tán trong miệng (orodispersible)

- **Yêu cầu**: **phân tán nhanh @ nước bọt** trước khi nuốt (**3min**)
- TD: thể hiện **sau khi** nuốt và hấp thụ vào **đường tiêu hóa**

Viên nén cấy dưới da (Implant)

- **Giải phóng rất chậm** (qua MM)
- TD: toàn thân
- **Đường dùng**: đặt **dưới da** qua một đường rạch nhỏ
- **Yêu cầu**: **vô khuẩn**
e.g: **hormon**
(que cấy tránh thai tác dụng trong thời gian 3 năm; que cấy testosterone cho nam, viên nén cấy trong mắt)

Viên sủi bọt (Effervescent)

- Pha thành: **dung dịch** or **hỗn dịch**
 - **Đường dùng**
 - Uống
 - Dùng ngoài
 - **Tá dược sủi**
 - **acid hữu cơ** (citric, tartaric)
 - **1 carbonat kiềm** (Na_2CO_3 , NaHCO_3)
-- H_2O --> CO_2 => tan, sủi bọt trong **1-2 min**
- Hòa tan được chất luôn --> qua dạ dày nhanh
- **Ưu điểm**
 - **Tăng SKD**: Khuếch tán tốt -> hấp thu nhanh
 - **Giảm kích ứng** dạ dày
 - **Nhược điểm**
 - **Kiểm**
 - Không dùng cho người kiêng muối
 - Có thể gây kiềm máu
 - **Bảo quản khó**
 - Có thể **thay đổi hấp thu thuốc** dùng cùng